

Bản án số: 21/2025/DSST

Ngày: 25/7/2025.

V/v tranh chấp chia thừa kế.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trương.

2. Ông Võ Văn Trường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Bích Trâm – Thư ký Tòa án Nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hà - Kiểm sát viên.

Vào ngày 25 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án Nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 228/2024/TLST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp chia thừa kế” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2025/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2025/QĐ-DS ngày 03/6/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2025/QĐ-DS ngày 03/7/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1969 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Long Lợi A, xã Đông Phước A, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. (ấp Long Lợi A, xã Đông Phước, thành phố Cần Thơ)

- Bị đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm: 1960

Địa chỉ: ấp Long Lợi A, xã Đông Phước A, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. (ấp Long Lợi A, xã Đông Phước, thành phố Cần Thơ)

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

1/ Bà Phạm Thị L, sinh năm: 1982 (có mặt)

2/ Ông Lê Duy T, sinh năm: 1994. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 26, đường Trần Khánh Dư, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Văn bản ủy quyền số công chứng 4396, quyền số 01/2024/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 11/12/2024.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1949.

2/ Ông Nguyễn Văn R, sinh năm: 1957. (có mặt)

3/ Bà Nguyễn Thị A, sinh năm: 1960. (có mặt)

(Bà Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị A đồng ủy quyền cho ông Nguyễn Văn R theo giấy ủy quyền số công chứng 4444, 4443 quyền số 01/2024/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 13/12/2024).

4/ Ông Nguyễn Hoàng H, sinh năm: 1993. (có mặt)

5/ Bà Nguyễn Trang Đ, sinh năm: 1996.

(Bà Nguyễn Trang Đ ủy quyền cho ông Nguyễn Hoàng H theo giấy ủy quyền số công chứng 4564, quyền số 01/2024/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 23/12/2024)

6/ Ông Nguyễn Thanh V, sinh năm: 1972. (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Long Lợi A, xã Đông Phước A, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. (ấp Long Lợi A, xã Đông Phước, thành phố Cần Thơ)

7/ Bà Nguyễn Thị Cẩm V, sinh năm: 1966. (có mặt)

Địa chỉ: ấp Long Hòa A2, xã Long Thạnh, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang. (ấp Long Hòa A2, xã Thạnh Hòa, thành phố Cần Thơ)

8/ Ông Huỳnh Thanh T, sinh năm 1987. (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Trường Khánh, xã Long Thạnh, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang. (ấp Trường Khánh, xã Thạnh Hòa, thành phố Cần Thơ)

9/ Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang (có đơn xin vắng mặt). Nay là Trung tâm phát triển quỹ đất khu vực VII, thành phố Cần Thơ.

Địa chỉ: ấp Thị Trần, thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. (ấp Thị Trần, xã Châu Thành, thành phố Cần Thơ)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/7/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Phần đất tranh chấp có nguồn gốc từ ông Nguyễn Văn T (chết năm 2018) và bà Trần Thị P (chết năm 1987), ông Trọng và bà P có các người con như sau: Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn R, Nguyễn Thị A, Nguyễn Thị Cẩm V, Nguyễn Văn T, Nguyễn Hoàng A (chết năm 2005) có vợ là Trần Thị H con là Nguyễn Hoàng H và Nguyễn Trang Đ, Nguyễn Thị K (đã chết không rõ năm nào, không có chồng con) không có con riêng, con nuôi. Khi ông T mất có để lại phần đất khoảng 6500m² đất và 336m² đất ở, ông T mất không để lại di chúc, hiện phần

đất này do bị đơn quản lý. Nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế theo quy định pháp luật phân đất của ông T mất để lại theo mảnh trích đo địa chính số 24/2025 ngày 28/02/2025, mảnh trích đo địa chính số 23/2025 ngày 28/02/2025 của công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc bản đồ Tín Phát. Yêu cầu chia khoản tiền làm đám tang 52.800.000 đồng, chia đều cho các con của ông T. Về căn nhà, cây trồng trên đất nguyên đơn không yêu cầu chia, trường hợp phân đất nào chia cho nguyên đơn thì cây trồng trên đất nguyên đơn sẽ trả lại giá trị. Phần đất tại vị trí số II thửa đất số 895, tờ bản đồ số 07 theo mảnh trích đo địa chính số 24/2025 ngày 28/02/2025, nguyên đơn đồng ý để làm lối đi chung yêu cầu cho các đồng thừa kế của ông T đứng tên. Về phần tiền thu hồi đất ông T đồng ý nhận, không đồng ý với yêu cầu độc lập của Nguyễn Hoàng H.

Đại diện bị đơn Phạm Thị L trình bày: Không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của nguyên đơn, vì khi còn sống ông T đã cho lại con của ông Nguyễn Hoàng A (chết năm 2005) là Nguyễn Hoàng H diện tích 5000m². Phần đất tại vị trí số I, thửa đất số 897, tờ bản đồ số 07 theo mảnh trích đo địa chính số 23/2025 ngày 28/02/2025, bị đơn yêu cầu sử dụng chung cho các đồng thừa kế, cây trồng trên vị trí này bị đơn sẽ thỏa thuận với các đồng thừa kế. Phần đất tại vị trí số III, IV thửa đất số 897, 896 tờ bản đồ số 07 theo mảnh trích đo địa chính số 23/2025 ngày 28/02/2025, bị đơn đồng ý giao lại cho ông R. Phần đất tại II, V thửa đất số 897, 896 tờ bản đồ số 07 theo mảnh trích đo địa chính số 23/2025 ngày 28/02/2025 không đồng ý chia thừa kế. Phần đất tại vị trí I, III thửa đất số 895, tờ bản đồ số 07 theo mảnh trích đo địa chính số 24/2025 ngày 28/02/2025. Phần đất tại vị trí số II thửa đất số 895, tờ bản đồ số 07 theo mảnh trích đo địa chính số 24/2025 ngày 28/02/2025 bị đơn thống nhất để làm lối đi chung, giao lối đi chung này cho ông R quản lý. Căn nhà trên phần đất tại thửa đất số 895, tờ bản đồ số 07 theo mảnh trích đo địa chính số 24/2025 ngày 28/02/2025, là căn nhà tình thương, hiện nay bị đơn đã sửa lại và đang sinh sống. Về số tiền thu hồi đất 118.301.700 đồng bị đơn yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật cho các con của ông Trọng, chia làm 6 phần. Không đồng ý chia phần tiền mai táng.

Bị đơn Trần Thị H có đơn yêu cầu phản tố trình bày: Yêu cầu chia phần tiền thu hồi đất 118.301.700 đồng bị đơn yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật cho các con của ông Trọng, chia làm 6 phần. Không đồng ý chia phần tiền mai táng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị A có đơn yêu cầu độc lập trình bày: Yêu cầu chia phần tiền thu hồi đất 118.301.700 đồng bị đơn yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật cho các con của ông T, chia làm 6

phần. Không đồng ý chia phần tiền mai táng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn R có đơn yêu cầu độc lập trình bày: Yêu cầu chia phần tiền thu hồi đất 118.301.700 đồng bị đơn yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật cho các con của ông T, chia làm 6 phần. Phần đất tại vị trí số III, IV thửa đất số 897, tờ bản đồ số 07 theo mảnh trích đo địa chính số 23/2025 ngày 28/02/2025, ông R đã sử dụng rất lâu, từ thời gian nào ông không nhớ, các phần đất khác của ông R quản lý sử dụng đã bị thu hồi và ông R cũng đã lãnh tiền bồi thường xong. Phần đất tại vị trí I, II, V thửa đất số 897, 896 tờ bản đồ số 07 theo mảnh trích đo địa chính số 23/2025 ngày 28/02/2025, ông R đồng ý nhận kỷ phần thừa kế và cho lại cho Nguyễn Hoàng H. Phần lối đi tại vị trí số I thửa đất số 895, tờ bản đồ số 07 theo mảnh trích đo địa chính số 24/2025 ngày 28/02/2025, ông R đồng ý nhận để làm lối đi. Ông R là đại diện cho bà Ánh và bà T, đồng ý nhận kỷ phần thừa kế và cho lại Nguyễn Hoàng H, còn phần tiền thì đồng ý nhận. Không đồng ý chia phần tiền mai táng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu độc lập trình bày: Yêu cầu chia phần tiền thu hồi đất 118.301.700 đồng, theo bị đơn yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật cho các con của ông Trọng, chia làm 6 phần. Không đồng ý chia phần tiền mai táng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Cẩm V có đơn yêu cầu độc lập trình bày: Yêu cầu chia phần tiền thu hồi đất 118.301.700 đồng, theo bị đơn yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật cho các con của ông T, chia làm 6 phần, yêu cầu nhận tiền. Về phần đất đồng ý nhận kỷ phần thừa kế của mình và cho lại Nguyễn Hoàng H. Không đồng ý chia phần tiền mai táng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thanh T trình bày: Năm 2017 ông Trúc có cổ đất của ông T, cổ với giá 07 chỉ vàng 24k, ông T không có canh tác mà cho bà H thuê lại với giá 20 dạ lúa quy ra thành tiền tại thời điểm trả để trả tiền. Ông T không yêu cầu phần 07 chỉ vàng trong vụ án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thanh V trình bày: Ông V ở trên đất tranh chấp từ năm 2012, quá trình ở ông V có sửa chữa nhà hết 180.000.000 đồng, nhưng không có giấy tờ chứng minh, cây trồng do bà H trồng, ông V chỉ bỏ công chăm sóc, ông V không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Hoàng H có đơn yêu cầu độc lập trình bày: Yêu cầu được nhận 5000m² mà ông T để lại, ông T cho đất ông H vào ngày 16/8/2013, khi cho có giấy cho đất không có công chứng, chứng thực, tại thời điểm cho đất bà Phấn đã mất. Hiện tại ông H đang sống trên phần đất tranh chấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ trình bày quan điểm: Kể từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn bà Trần Thị H có nghĩa vụ giao cho nguyên đơn Nguyễn Văn T số tiền tương đương với 01 kỷ phần thừa kế 144.589.056 đồng. Buộc bị đơn bà Trần Thị H có nghĩa vụ giao cho ông Nguyễn Văn R, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Cẩm V, Nguyễn Thị A, mỗi người được nhận số tiền tương đương với 01 kỷ phần thừa là 144.589.056 đồng, tổng của 04 kỷ phần là 578.356.224 đồng. Do các đồng thừa kế này thống nhất cho ông Nguyễn Hoàng H được nhận kỷ phần thừa kế này, nên ông Nguyễn Hoàng H được nhận 04 kỷ phần thừa kế của ông Nguyễn Văn R, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Cẩm V, Nguyễn Thị A, tổng số tiền là 578.356.224 đồng. Bị đơn Trần Thị H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Hoàng H và Nguyễn Trang Đ được quyền sử dụng phần đất tại vị trí số I, có diện tích 161.2m², vị trí số III diện tích 100.0m², thửa đất số 895, tờ bản đồ số 07 theo mảnh trích đo địa chính số 24/2025 ngày 28/02/2025. Được quyền sử dụng phần đất tại vị trí số I có diện tích 1500m² sau khi trừ diện tích nền mộ 98m², còn lại 1402m², phần đất tại vị trí số II có diện tích 2959.8m² thửa đất số 897, tờ bản đồ số 07, theo mảnh trích đo địa chính số 23/2025 ngày 28/02/2025 của công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc bản đồ Tín Phát. Phần đất tại vị trí số II, có diện tích 51.6m², thửa đất số 895, tờ bản đồ số 07, theo mảnh trích đo địa chính số 24/2025 ngày 28/02/2025 làm lối đi chung. Phần nền mộ tại vị trí a, có diện tích 98m², thửa đất số 897, tờ bản đồ số 07, theo mảnh trích đo địa chính số 23/2025 ngày 28/02/2025, các đồng thừa kế cùng sở hữu gồm Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn R, Nguyễn Thị A, Nguyễn Thị Cẩm V, Nguyễn Văn T, Trần Thị H, Nguyễn Hoàng H, Nguyễn Trang Đ, đại diện quản lý là ông Nguyễn Văn R. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu chia phần tiền làm lễ tang 52.800.000 đồng. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Trần Thị H, yêu cầu độc lập của Nguyễn Văn R, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Cẩm V, Nguyễn Thị A. Ông Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn R, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Cẩm V, Nguyễn Thị A, mỗi người được nhận 01 kỷ phần thừa kế từ tiền bồi thường, hỗ trợ và các khoản hỗ trợ khác khi thu hồi đất, tương đương mỗi người được nhận số tiền là 16.900.242 đồng. Bà Trần Thị H, Nguyễn Hoàng H, Nguyễn Trang Đ được nhận 02 kỷ phần thừa kế từ tiền bồi thường, hỗ trợ và các khoản hỗ trợ khác khi thu hồi đất, tương đương được nhận

số tiền tương đương 33.800.484 đồng. Bác yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Hoàng H yêu cầu được nhận 5000m² đất theo giấy cho đất ngày 16/8/2013.

Về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả việc hỏi, tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu bị đơn yêu cầu chia phần đất là di sản của ông Nguyễn Văn T chết để lại theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000005 cấp ngày 12/5/2003. Căn cứ Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp chia thừa kế. Do phần đất tranh chấp tại ấp Long Lợi A, xã Đông Phước A, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang (ấp Long Lợi A, xã Đông Phước, thành phố Cần Thơ), căn cứ Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ và được xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó Tòa án căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế phần đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000005 cấp ngày 12/5/2003, theo mảnh trích đo địa chính số 24/2025 ngày 28/02/2025, mảnh trích đo địa chính số 23/2025 ngày 28/02/2025 của công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc bản đồ Tín Phát. Xét nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ông Nguyễn Văn T (chết năm 2018) và bà Trần Thị P (chết năm 1987), ông T và bà P có các người con Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn R, Nguyễn Thị A, Nguyễn Thị Cẩm V, Nguyễn Văn T, Nguyễn Hoàng A (chết năm 2005) có vợ là Trần Thị H con là Nguyễn Hoàng H và Nguyễn Trang Đ, Nguyễn Thị K (đã chết không rõ năm nào, không có chồng con) không có con riêng, con nuôi, khi chết ông T và bà P không có di chúc. Ông T đã có cho đất nguyên đơn 2000m² đất lúa và 206m² đất ở, hiện tại nguyên đơn đã chuyển nhượng phần đất 2000m² đất lúa cho bị đơn. Ông T đã có cho đất ông Nguyễn Văn R 1500m² đất lúa và một nền nhà diện tích bao nhiêu không rõ, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Những người con còn lại ông T chưa cho đất.

[2.1] Phần đất tại trí số II, có diện tích 51.6m², thửa đất số 895, tờ bản đồ số 07 theo mảnh trích đo địa chính số 24/2025 ngày 28/02/2025, xác định đây là

phần đất di sản ông T chết để lại, các đồng thừa kế của ông T thống nhất để làm lời đi chung. Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của các đương sự giao phần đất này cho các đồng thừa kế cùng sở hữu gồm Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn R, Nguyễn Thị A, Nguyễn Thị Cẩm V, Nguyễn Văn T, Trần Thị H, Nguyễn Hoàng H, Nguyễn Trang Đ, đại diện quản lý là ông Nguyễn Văn R.

[2.2] Phần đất tại vị trí số I, có diện tích $161.2m^2$, vị trí số III diện tích $100.0m^2$, thửa đất số 895, tờ bản đồ số 07 theo mảnh trích đo địa chính số 24/2025 ngày 28/02/2025, xác định đây là phần đất di sản ông T chết để lại, trên đất có căn nhà của bà Trần Thị H, Nguyễn Thanh V, Nguyễn Hoàng H, Nguyễn Trang Đ đang ở, căn nhà này trước là ông T ở, nay bị đơn đã sửa chữa lại nguyên đơn cũng không yêu cầu chia căn nhà, cây trồng tại vị trí này, nên chỉ xem xét phần đất. Do phần đất nhỏ không đủ hạn mức tách thửa và đã có căn nhà trên đất nên chỉ có thể chia giá trị quyền sử dụng đất cho các đồng thừa kế. Căn cứ chứng thư thẩm định giá số 235/2025/81-BĐS ngày 09/4/2025 thì phần đất tại vị trí số I, III, thửa đất số 895, tờ bản đồ số 07 theo mảnh trích đo địa chính số 24/2025 ngày 28/02/2025, có giá 259.452.800 đồng. Do phần đất tại vị trí số II thửa đất số 895, tờ bản đồ số 07 theo mảnh trích đo địa chính số 24/2025 ngày 28/02/2025, đã làm lời đi chung, căn nhà trên đất do bị đơn đang ở có sửa chữa lại không còn hiện trạng như ban đầu, nguyên đơn cũng không yêu cầu chia căn nhà và cây trồng trên đất, nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét chia phần đất tại vị trí số I, III, thửa đất số 895, tờ bản đồ số 07 theo mảnh trích đo địa chính số 24/2025 ngày 28/02/2025, nhưng phần đất này không thể chia bằng hiện vật nên xem xét chia giá trị. Do bị đơn là người ở trên có công sức giữ gìn tu bổ đất nên nhận được 02 kỹ phần, các đồng thừa kế khác nhận được 01 kỹ phần. Như vậy được tính chia giá trị như sau: 259.452.800 đồng, chia làm 07 kỹ phần thừa kế mỗi kỹ phần 37.064.685 đồng. Như vậy bị đơn phải giao lại cho nguyên đơn 01 kỹ phần thừa kế tương đương 37.064.685 đồng. Các đồng thừa kế khác mỗi người 01 kỹ phần thừa kế, các đồng thừa kế đồng ý nhận nhưng giao lại cho Nguyễn Hoàng H, nên Nguyễn Hoàng H được nhận 04 kỹ phần thừa kế Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn R, Nguyễn Thị A, Nguyễn Thị Cẩm V, tương đương 148.258.740 đồng. Bị đơn Trần Thị H, Nguyễn Hoàng H, Nguyễn Trang Đ là người thừa kế thế vị của ông Nguyễn Hoàng A (chết năm 2005) cùng nhận 02 kỹ phần thừa kế tương đương giá trị 74.129.370 đồng. Do đã chia giá trị đất nên Trần Thị H, Nguyễn Hoàng H, Nguyễn Trang Đ được quyền sử dụng phần đất tại vị trí số I, có diện tích $161.2m^2$, vị trí số III diện tích $100.0m^2$, thửa đất số 895, tờ bản đồ số 07 theo mảnh trích đo địa chính số 24/2025 ngày 28/02/2025, sau khi giao các kỹ phần thừa kế cho các đồng thừa kế.

[2.3] Phần đất tại vị trí số III có diện tích 483.4m^2 thửa đất số 897, tờ bản đồ số 07, phần đất tại vị trí số IV có diện tích 86.7m^2 thửa đất số 896, tờ bản đồ số 07 theo mảnh trích đo địa chính số 23/2025 ngày 28/02/2025, phần đất này hiện tại các đương sự không tranh chấp, phần đất này cũng do ông Nguyễn Văn R đang quản lý sử dụng, các đương sự cũng không tranh chấp phần đất này, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Phần đất tại vị trí số I có diện tích 1500m^2 trong đó có một nền mộ do bị đơn đang quản lý có diện tích 98m^2 ($1500\text{m}^2 - 98\text{m}^2 = 1402\text{m}^2$), phần đất tại vị trí số II có diện tích 2959.8m^2 thửa đất số 897, tờ bản đồ số 07, theo mảnh trích đo địa chính số 23/2025 ngày 28/02/2025. Xác định đây là phần đất di sản ông Trọng chết để lại trên hai phần đất này có cây trồng của bị đơn. Do phần đất này hiện do bị đơn quản lý canh tác và các đồng thừa kế khác đều thống nhất nhận kỹ phần thừa kế của mình và cho lại ông Nguyễn Hoàng H, hơn nữa đây là đất LUC nếu chia thừa kế nhận đất thì không đủ hạn mức tách thửa. Nguyên đơn cũng đã được ông Trọng khi còn sống đã cho đất, nhưng không giữ gìn đất để quản lý canh tác mà đã bán cho thấy nguyên đơn cũng không có nhu cầu canh tác đất. Bị đơn là người trực tiếp quản lý canh tác đất làm tăng giá trị đất, nên khi chia thừa kế bị đơn được hưởng 02 kỹ phần thừa kế do có công sức giữ gìn tu bổ đất làm tăng giá trị tài sản. Hơn nữa trên phần đất này có cây trồng của bị đơn và của ông T trồng để lại, nguyên đơn không yêu cầu chia cây trồng, nếu nguyên đơn nhận phần đất nào thì trả lại giá trị cây trồng ở đó. Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử thấy không thể chia thừa kế bằng đất, mà căn cứ vào giá trị đất để chia thừa kế cho các đương sự là phù hợp. Căn cứ chứng thư thẩm định giá số 235/2025/81-BĐS ngày 09/4/2025 thì phần đất tại vị trí số I, II thửa đất số 897, tờ bản đồ số 07, theo mảnh trích đo địa chính số 23/2025 ngày 28/02/2025 có giá là 752.670.600 đồng được chia làm 07 kỹ phần thừa kế (trong đó bị đơn nhận 02 phần) tương đương mỗi kỹ phần thừa kế 107.524.371 đồng. Như vậy bị đơn phải giao cho nguyên đơn 01 kỹ phần thừa kế tương đương 107.524.371 đồng, giao các đồng thừa kế khác mỗi người 01 kỹ phần thừa kế, các đồng thừa kế đồng ý nhận nhưng giao lại cho Nguyễn Hoàng H, nên Nguyễn Hoàng H được nhận 04 kỹ phần thừa kế Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn R, Nguyễn Thị A, Nguyễn Thị Cẩm V, tương đương 430.097.484 đồng. Bị đơn Trần Thị H, Nguyễn Hoàng H, Nguyễn Trang Đ là người thừa kế thế vị của ông Nguyễn Hoàng A (chết năm 2005) cùng nhận 02 kỹ phần thừa kế tương đương giá trị 215.048.742 đồng. Do đã chia giá trị đất nên Trần Thị H, Nguyễn Hoàng H, Nguyễn Trang Đ được quyền sử dụng phần đất tại vị trí số I có diện tích 1500m^2 sau trừ diện tích nền mộ 98m^2 , còn lại 1402m^2 , phần đất tại vị trí số II có diện tích 2959.8m^2 thửa đất

số 897, tờ bản đồ số 07, theo mảnh trích đo địa chính số 23/2025 ngày 28/02/2025.

[2.5] Đối với phần nền mộ tại vị trí a, có diện tích $98m^2$, thửa đất số 897, tờ bản đồ số 07, theo mảnh trích đo địa chính số 23/2025 ngày 28/02/2025 giao cho các đồng thừa kế của ông Trọng gồm Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn R, Nguyễn Thị A, Nguyễn Thị Cẩm V, Nguyễn Văn T, Trần Thị H, Nguyễn Hoàng H, Nguyễn Trang Đ, đại diện quản lý là ông Nguyễn Văn R.

[2.6] Phần đất tại vị trí số V có diện tích $1554.7m^2$ thửa đất số 896, tờ bản đồ số 07, theo mảnh trích đo địa chính số 23/2025 ngày 28/02/2025. Tại trang 4 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000005 cấp ngày 12/5/20003, tách thửa đất 532 diện tích $2222m^2$ LUA, có số thửa mới là 896, diện tích không chuyển quyền là $6604m^2$ LUA có số thửa mới là 897. Như vậy phần đất tranh chấp tại vị trí số V có diện tích $1554.7m^2$ thửa đất số 896, tờ bản đồ số 07, theo mảnh trích đo địa chính số 23/2025 ngày 28/02/2025 không phải là di sản do ông Nguyễn Văn T chết để lại do đã tách thửa và chuyển nhượng cho người khác.

[2.7] Đối với phần đất cầm cố cho ông Huỳnh Thanh T theo giấy hợp đồng cầm cố đất ngày 19/02/2017, nội dung ông Nguyễn Văn T có cầm cố đất cho ông Huỳnh Thanh T phần đất diện tích $1500m^2$ đất, giá là 07 chỉ vàng 24k, thời hạn cầm cố là 05 năm từ năm 2017 đến năm 2023. Phần đất này hiện nay đang cho bà Trần Thị H thuê. Do ông Huỳnh Thanh T không có yêu cầu trong vụ án này, nên giành quyền khởi kiện cho ông Huỳnh Thanh T khởi kiện về tranh chấp hợp đồng cầm cố đất khi có yêu cầu vị trí được xác định cầm cố là tại vị trí số I có diện tích $1500m^2$ trong đó có một nền mộ do bị đơn đang quản lý, thửa đất số 897, tờ bản đồ số 07, theo mảnh trích đo địa chính số 23/2025 ngày 28/02/2025.

[2.8] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu chia phần tiền làm lễ tang cho ông Nguyễn Văn T, số tiền 52.800.000 đồng chia cho các đồng thừa kế, mỗi người phải trả lại cho nguyên đơn số tiền 8.800.000 đồng. Xét khi ông Nguyễn Văn T còn sống, các đồng thừa kế đều thừa nhận khi còn sống ông T sống với ông Nguyễn Hoàng A (chết năm 2005), sau khi ông Nguyễn Hoàng A chết, ông Trọng sống với bị đơn Trần Thị H và cháu nội Nguyễn Hoàng H, Nguyễn Trang Đ, đến khi ông Trọng mất là tại nhà của bị đơn, ông Nguyễn Văn T đem về làm lễ tang, tiền phúng điếu khi người ta đi lễ tang ông T, ông T khai đã sử dụng hết vào lễ tang. Khi ông T đem ông T về làm lễ tang cũng không có thông qua các đồng thừa kế khác. Hơn nữa khi ông T già yếu ông T không phải là người trực tiếp nuôi dưỡng, mà là bị đơn Trần Thị H và cháu nội Nguyễn Hoàng H, Nguyễn Trang Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng, khi chết thì đem về làm lễ tang tiền phúng điếu ông Thường nhận hết. Thì yêu cầu của nguyên đơn

chia đều số tiền còn thiếu sau khi làm lễ tang cho ông Trọng cho các đồng thừa kế khác là không phù hợp.

[2.9] Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn Trần Thị H, đơn yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị A, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Cẩm V, Nguyễn Văn R cùng có yêu cầu chia phần tiền bồi thường, hỗ trợ và các khoản hỗ trợ khác theo Quyết định số 4364/QĐ-UBND ngày 20/10/2022 về việc thu hồi đất thực hiện dự án: Thành phần đoạn Cần Thơ - Hậu Giang thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025 (ông Nguyễn Văn T (chết) Trần Thị H đại diện). Thu hồi phần đất diện tích 402.5m², thửa đất 897 (một phần thửa) tờ bản đồ số 07, có giá là 118.301.700 đồng. các đồng thừa kế thống nhất chia khoản tiền này, các đồng thừa kế yêu cầu chia làm 06 kỹ phần thừa kế mỗi kỹ phần tương đương 19.716.950 đồng. Như đã phân tích ở trên do ông Nguyễn Văn T (chết năm 2018), bị đơn Trần Thị H là người ở trên đất canh tác, giữ gìn làm tăng giá trị đất, nên Hội đồng xét xử xem xét chia cho bị đơn thêm 01 kỹ phần cho công sức gìn giữ tu bổ làm tăng giá trị đất. Như vậy số tiền 118.301.700 đồng được chia làm 07 kỹ phần thừa kế 16.900.242 đồng, bị đơn Trần Thị H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Hoàng H và Nguyễn Trang Đ có nghĩa vụ giao lại cho những người thừa kế khác Nguyễn Thị A, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Cẩm V, Nguyễn Văn R, Nguyễn Văn T mỗi người 01 kỹ phần thừa kế tương đương 16.900.242 đồng, Trần Thị H, Nguyễn Hoàng H, Nguyễn Trang Đ được nhận 02 kỹ phần thừa kế tương đương 33.800.484 đồng.

[2.10] Đối với yêu cầu độc lập của Nguyễn Hoàng H yêu cầu công nhận cho Nguyễn Hoàng H phần đất 5000m², do phần đất này Nguyễn Hoàng H được ông Nguyễn Văn T cho theo giấy cho đất ngày 16/8/2013. Xét giấy cho đất ngày 16/8/2013 được lập lúc ông Nguyễn Văn T còn sống có sự chứng kiến của trưởng công an ấp, bí thư chi bộ ấp, trưởng ấp Long Lợi A, xã Đông Phước A, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, có người làm chứng và các con của ông Trọng là ông Rem, bà Tiêm, bà Vân, bà Ánh đều thừa nhận, như vậy ý chí của ông Trọng khi còn sống là có định đoạt tài sản của mình. Nhưng xét thấy tài sản này là của ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị P (chết năm 1987) đã phát sinh quyền thừa kế của các con của ông Trọng và bà P, trong giấy cho đất ngày 16/8/2013 không có sự đồng ý của ông T, người thừa kế thế vị của ông Nguyễn Hoàng A (chết năm 2005). Hơn nữa tại giấy cho đất này chỉ nói cho Nguyễn Hoàng H 5000m² không nói vị trí cụ thể như thế nào trong khi đây là tài sản chung hợp nhất của ông T và bà P chưa chia. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T và giấy cho đất ngày 16/8/2013, sau khi ông T cho đất ông R và ông T thì ông T còn lại 6500m² để lại 1500m² đất làm đất hương

quả còn lại 5000m² cho ông Nguyễn Hoàng H, như vậy khi nhà nước thu hồi 402.5m², thửa đất 897 (một phần thửa) tờ bản đồ số 07 là nằm trong phần 5000m² đất cho ông Nguyễn Hoàng H theo giấy cho đất ngày 16/8/2013. Tại đơn phản tố của bị đơn Trần Thị H, đơn yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị A, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Cẩm V, Nguyễn Văn R, đều có yêu cầu chia phần tiền bồi thường, hỗ trợ và các khoản hỗ trợ khác khi thu hồi phần đất 402.5m², thửa đất 897 (một phần thửa) tờ bản đồ số 07 theo Quyết định số 4364/QĐ-UBND ngày 20/10/2022, chứng tỏ các đương sự này cũng không đồng ý việc ông T cho ông Nguyễn Hoàng H, nên giấy tặng cho đất ngày 16/8/2013 cho đất ông Nguyễn Hoàng H là không phù hợp.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Điều 650, 651 Bộ luật dân sự.

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1.1/ Buộc bị đơn bà Trần Thị H có nghĩa vụ giao cho nguyên đơn Nguyễn Văn T số tiền tương đương với 01 kỷ phần thừa kế 144.589.056 đồng (một trăm bốn mươi bốn triệu năm trăm tám mươi chín ngàn không trăm năm mươi sáu đồng).

1.2/ Buộc bị đơn bà Trần Thị H có nghĩa vụ giao cho ông Nguyễn Văn R, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Cẩm V, Nguyễn Thị A mỗi người được nhận số tiền tương đương với 01 kỷ phần thừa kế là 144.589.056 đồng (một trăm bốn mươi bốn triệu năm trăm tám mươi chín ngàn không trăm năm mươi sáu đồng), tổng của 04 kỷ phần là 578.356.224 đồng (năm trăm bảy mươi tám triệu ba trăm năm mươi sáu ngàn hai trăm hai mươi bốn đồng). Do các đồng thừa kế này thống nhất cho ông Nguyễn Hoàng H được nhận kỷ phần thừa kế này, nên ông Nguyễn Hoàng H được nhận 04 kỷ phần thừa kế của ông Nguyễn Văn R, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Cẩm V, Nguyễn Thị A, tổng số tiền là 578.356.224 đồng (năm trăm bảy mươi tám triệu ba trăm năm mươi sáu ngàn hai trăm hai mươi bốn đồng).

1.3/ Bị đơn Trần Thị H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Hoàng H và Nguyễn Trang Đ được quyền sử dụng phần đất tại vị trí số I, có diện tích $161.2m^2$, vị trí số III diện tích $100.0m^2$, thửa đất số 895, tờ bản đồ số 07 theo mảnh trích đo địa chính số 24/2025 ngày 28/02/2025. Được quyền sử dụng phần đất tại vị trí số I có diện tích $1500m^2$ sau khi trừ diện tích nền mộ $98m^2$, còn lại $1402m^2$, phần đất tại vị trí số II có diện tích $2959.8m^2$ thửa đất số 897, tờ bản đồ số 07, theo mảnh trích đo địa chính số 23/2025 ngày 28/02/2025 của công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc bản đồ Tín Phát.

1.4/ Phần đất tại vị trí số II, có diện tích $51.6m^2$, thửa đất số 895, tờ bản đồ số 07, theo mảnh trích đo địa chính số 24/2025 ngày 28/02/2025 làm lối đi chung. Phần nền mộ tại vị trí a, có diện tích $98m^2$, thửa đất số 897, tờ bản đồ số 07, theo mảnh trích đo địa chính số 23/2025 ngày 28/02/2025, các đồng thừa kế cùng sở hữu gồm Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn R, Nguyễn Thị A, Nguyễn Thị Cẩm V, Nguyễn Văn T, Trần Thị H, Nguyễn Hoàng H, Nguyễn Trang Đ, đại diện quản lý là ông Nguyễn Văn R.

2/ Các đương sự nhận đất, được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Bà Trần Thị H có nghĩa vụ giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000005 cấp ngày 12/5/2003 (bản gốc) khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu. *(kèm theo mảnh trích đo địa chính)*

3/ Bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu chia phần tiền làm lễ tang 52.800.000 đồng (năm mươi hai triệu tám trăm ngàn đồng).

4/ Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Trần Thị H, yêu cầu độc lập của Nguyễn Văn R, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Cẩm V, Nguyễn Thị A. Giao bà Trần Thị H liên hệ với cơ quan nhà nước nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và các khoản hỗ trợ khác theo Quyết định số 4364/QĐ-UBND ngày 20/10/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Để giao lại cho các đồng thừa kế khác.

4.1/ Ông Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn R, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Cẩm V, Nguyễn Thị A, mỗi người được nhận 01 kỹ phần thừa kế từ tiền bồi thường, hỗ trợ và các khoản hỗ trợ khác khi thu hồi phần đất $402.5m^2$, thửa đất 897 (một phần thừa) tờ bản đồ số 07 theo Quyết định số 4364/QĐ-UBND ngày 20/10/2022, tương đương mỗi người được nhận số tiền là 16.900.242 đồng (mười sáu triệu chín trăm ngàn hai trăm bốn mươi hai đồng).

4.2/ Bà Trần Thị H, Nguyễn Hoàng H, Nguyễn Trang Đ được nhận 02 kỹ phần thừa kế từ tiền bồi thường, hỗ trợ và các khoản hỗ trợ khác khi thu hồi phần đất $402.5m^2$, thửa đất 897 (một phần thừa) tờ bản đồ số 07 theo Quyết định số

4364/QĐ-UBND ngày 20/10/2022, tương đương được nhận số tiền tương đương 33.800.484 đồng (ba mươi ba triệu tám trăm ngàn bốn trăm tám mươi bốn đồng).

5/ Bác yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Hoàng Huy yêu cầu được nhận 5000m² đất theo giấy cho đất ngày 16/8/2013.

6/ Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

7/ Án phí dân sự sơ thẩm ông Nguyễn Văn T phải chịu 10.714.000 đồng (mười triệu bảy trăm mười bốn ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp 1.620.000 đồng (một triệu sáu trăm hai mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003362 ngày 06/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Hậu Giang. Như vậy ông Nguyễn Văn T phải nộp thêm 9.094.000 đồng (chín triệu không trăm chín mươi bốn ngàn đồng) nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Ông Nguyễn Hoàng H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 27.434.000 đồng (hai mươi bảy triệu bốn trăm ba mươi bốn ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003702 ngày 24/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh, Hậu Giang (cũ). Như vậy ông Nguyễn Văn H phải nộp thêm 27.134.000 đồng (hai mươi bảy triệu một trăm ba mươi bốn ngàn đồng) nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Bà Trần Thị H, Nguyễn Hoàng H, Nguyễn Trang Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 16.148.000 đồng (mười sáu triệu một trăm bốn mươi tám ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp 2.957.000 đồng (hai triệu chín trăm năm mươi bảy ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003486 ngày 23/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh, Hậu Giang (cũ). Như vậy bà Trần Thị H, Nguyễn Hoàng H, Nguyễn Trang Đ phải nộp thêm 13.191.000 đồng (mười ba triệu một trăm chín mươi một ngàn đồng) nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Bà Nguyễn Thị Cẩm V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 845.000 đồng (tám trăm bốn mươi lăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà V đã nộp 2.957.000 đồng (hai triệu chín trăm năm mươi bảy ngàn đồng). Như vậy bà Nguyễn Thị Cẩm V được nhận lại 2.112.000 đồng (hai triệu một trăm mười hai ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003412 ngày 24/12/2024

của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Hậu Giang (Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ).

Ông Nguyễn Văn R, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị A được miễn án phí, lý do người cao tuổi theo Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí lệ phí Tòa án.

Chi phí thẩm định, định giá 23.450.000 đồng (hai mươi ba triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng), mỗi đương sự phải chịu phải chịu 3.350.000 đồng (ba triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng). Như vậy ông Nguyễn Văn T phải chịu chi phí thẩm định, định giá 3.350.000 đồng (ba triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng); Nguyễn Thị A, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Cẩm V, Nguyễn Văn R mỗi người phải chịu 3.350.000 đồng (ba triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng), nhưng do kỹ phần thừa kế của những đương sự này cho Nguyễn Hoàng H và Nguyễn Hoàng H cũng đồng ý nhận nên Nguyễn Hoàng H phải chịu chi phí thẩm định, định giá 13.400.000 đồng (mười ba triệu bốn trăm ngàn đồng). Bà Trần Thị H, Nguyễn Hoàng H, Nguyễn Trang Đ điều được nhận 02 kỹ phần thừa kế nên phải chịu chi phí thẩm định, định giá 6.700.000 đồng (sáu triệu bảy trăm ngàn đồng). Như vậy ông Nguyễn Văn T được nhận lại 20.100.000 đồng (hai mươi triệu một trăm ngàn đồng) sau khi các đương sự nêu trên nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

8/ Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú.

9/ Trong trường hợp Bản án, Quyết định của Tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 14 - Cần Thơ;
- Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Nhân